Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2023/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 03 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTNMT-BNG-BNV-BQP của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng ngày 13/6/2006 hướng dẫn quản lý công tác đo đạc bản đồ về địa giới hành chính và biên giới quốc gia (gọi tắt TTLT 06/2006/TTLT-BTNMT-BNG-BNV-BQP);

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thành lập bản đồ hành chính các cấp;

Căn cứ Thông tư số 48/2014/TT- BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư 19/2019/TT-BTNMT ngày 08/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh Uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, Uỷ viên UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP, CV TH, TTTT;
- Kho bạc nhà nước Cao Bằng;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NĐ (TT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ hằng năm (sau đây gọi chung là dịch vụ) thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố được uỷ quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực đo đạc bản đồ.

3. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích về lĩnh vực đo đạc, bản đồ từ nguồn tài chính khác (không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước) được khuyến khích áp dụng các quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả tổng hợp của các chỉ tiêu thể hiện mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước tại Quy định này là các nội dung, yêu cầu mà bên cung ứng dịch vụ phải đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ.

3. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ là kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước bằng phương thức chấm điểm hoặc đánh giá là "Đạt" hoặc "Không đạt".

4. Chủ đầu tư là cơ quan sở hữu vốn hoặc cơ quan, đơn vị được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về lĩnh vực đo đạc, bản đồ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung, tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ

Nội dung, tiêu chí đánh giá chất lượng lĩnh vực đo đạc, bản đồ theo Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ

1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 6. Đánh giá nghiệm thu chất lượng, thanh toán dịch vụ

1. Việc đánh giá nghiệm thu chất lượng các dịch vụ lĩnh vực đo đạc, bản đồ căn cứ trên các tiêu chí tại Phụ lục kèm theo Quy định này và sử dụng phương thức đánh giá "Đạt", "Không đạt".

2. Kinh phí thanh toán dịch vụ cho đơn vị cung ứng dịch vụ được căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng của dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này cụ thể như sau:

a) Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá là "Đạt" (6/6 tiêu chí): Đơn vị cung ứng dịch vụ được thanh toán 100% kinh phí.

b) Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá là "Không đạt"(lớn hơn hoặc bằng 01 tiêu chí không đạt/6 tiêu chí): Đơn vị cung ứng dịch vụ không được thanh toán kinh phí.

Điều 7. Kiểm định chất lượng dịch vụ

1. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá, chủ đầu tư muốn kiểm định chất lượng dịch vụ sẽ tiến hành thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định thực hiện kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (nếu cần).

2. Kinh phí thực hiện kiểm định: Từ kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đo đạc bản đồ thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Hướng các cơ quan, đơn vị thực hiện quy định này đối với việc giao nhiệm vụ, đạt hàng, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

3. Trình thẩm định phương án giá và đơn giá đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước khi có sự thay đổi (Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công, thay đổi về số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng...).

4. Tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 9. Trách nhiệm Sở tài chính

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung danh mục, thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng hoặc được uỷ quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng cấp tỉnh

1. Chủ chì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện lập, thẩm định dự toán giao nhiệm vụ, đặt hàng thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức, thực hiện giao nhiêm vụ, đặt hàng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Chương II Quy định này.

3. Tổ chức đôn đốc đơn vị cung ứng dịch vụ công triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt hàng đạt hiệu quả.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi và giám sát, đánh giá chất lượng việc thực hiện nhiệm vụ được uỷ quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo phòng chuyên môn được uỷ quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng lập dự toán giao nhiệm vụ, đặt hàng thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ hằng năm.

2. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định dự toán đặt hàng nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức, thực hiện giao nhiêm vụ, đặt hàng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh đo đạc bản đồ trên đại bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Chương II Quy định này.

4. Tổ chức đôn đốc đơn vị cung ứng dịch vụ công triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt hàng đạt hiệu quả.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ

1. Sau khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công về lĩnh vực đo đạc, bản đồ phải lập kế hoạch chi tiết gửi chủ đầu tư và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch đã lập.

2. Chịu sự giám sát, kiểm tra, đánh giá, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư đối với chất lượng dịch vụ cung ứng.

3. Tổ chức thực hiện cung ứng các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị thực hiện cung ứng.

5. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ theo đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.

PHỤ LỤC

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

- Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Tiêu chí 2: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Tiêu chí 3: Tính pháp lý của số liệu đo đạc và bản đồ.

- Tiêu chí 4: Sự tuân thủ các quy định của sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Tiêu chí 5: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện.

- Tiêu chí 6: Sản phẩm giao nộp.

Bảng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá như sau:

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn Đánh giá (Đánh dấu X)		Tài liệu kiểm chứng
		Đạt	**Không đạt**	
1	**Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.**			
a	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc			Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ
b	Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác			Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ
2	**Tiêu chí 2: Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.**			
a	Thời gian hoạt động chính thức từ 05 năm trở lên			Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

				doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ theo quy định của pháp luật.
b	Kinh nghiệm trong việc thực hiện các công việc tương tự có liên quan đến lĩnh vực đo đạc bản đồ			- Hồ sơ năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ. - Các Quyết định đặt hàng/giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện.
3	**Tiêu chí 3: Tính pháp lý của số liệu đo đạc và bản đồ**			
a	Tài liệu kiểm nghiệm thiết bị phục vụ đo đạc và bản đồ			Phiếu kiểm định, hiệu chỉnh độ chính xác của máy đo và các thiết bị kèm theo còn hiệu lực.
b	Số liệu, dữ liệu đo đạc bản gốc, bản bình sai từ các thiết bị đo			File dữ liệu, bảng số liệu của thiết bị đo và các thiết bị kèm theo còn hiệu lực theo phiếu kiểm định.
c	Tài liệu phục vụ thi công đo đạc và bản đồ			Các căn cứ pháp lý; Phiếu cung cấp toạ độ điểm gốc và Phiếu cung cấp dữ liệu bản đồ dạng giấy và dạng số theo quy định.
4	**Tiêu chí 4: Sự tuân thủ của sản phẩm đo đạc và bản đồ**			
a	Bản đồ, bảng biểu và các hồ sơ, tài liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ.			Các hồ sơ, tài liệu sản phẩm được lập theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT; Thông tư số 47/2014/TT-BTNMT; Thông tư 19/2019/TT-BTNMT; Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT;
b	Quy trình thực hiện, chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.			Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu được lập theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT, Thông tư số 24/2018/TT-

				BTNMT
5	**Tiêu chí 5: Đánh giá khối lượng, chất lượng công việc thực hiện theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng**			
a	Có Văn bản gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng yêu cầu nghiệm thu sản phẩm của nhiệm vụ.			- Có Văn bản gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng yêu cầu nghiệm thu sản phẩm của nhiệm vụ. - Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu được lập theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT, Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT
b	Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng tiến hành nghiệm thu khối lượng, chất lượng và các sản phẩm.			Biên bản nghiệm thu thể hiện rõ khối lượng, chất lượng và các sản phẩm so với Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.
6	**Tiêu chí 6: Sản phẩm giao nộp theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.**			
a	Đáp ứng về số lượng theo Quyết định giao nhiệm vụ , đặt hàng.			Sản phẩm bàn giao theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.
b	Đạt chất lượng theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng			
KẾT LUẬN CHUNG		**ĐẠT**	**KHÔNG ĐẠT**	